

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HS-ST
Ngày 21 tháng 3 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Ông Sái Văn Trọng

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh
Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2018/ HS-ST
ngày 02 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
28/2018/QĐXX ngày 07/3/2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1990; nơi cư trú: Thôn CL, xã
BĐ, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 04/12;
dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông
Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; vợ là Bùi Thị L và có 02 con, lớn
sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 05/10/2017,
Chủ tịch UBND xã BĐ, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định số 75/QĐ-
UBND áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với Nguyễn Văn
H, thời hạn 03 tháng (là đối tượng nghiện ma túy), H chưa chấp hành xong;
nhân thân: Tại bản án số 41/HSST ngày 12/07/2011, Tòa án nhân dân huyện
YL, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Văn H 01 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo
chiếm đoạt tài sản”. H chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương ngày
27/03/2012, chấp hành xong án phí vào tháng 10/2011; bị cáo bị bắt tạm giam từ
ngày 18/01/2018 đến nay, có mặt.

* Người bị hại: Anh Phùng Văn Nh, sinh năm: 1994; trú tại: Khu 8, xã
PT, ĐT, TD, Vĩnh Phúc, vắng mặt.

* Người có quyền lợi liên quan: Anh Bùi Văn D, sinh năm 1989; trú tại:
Thôn 7, xã HC, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 20/10/2017, Nguyễn Văn H và bạn là Nguyễn Văn M, sinh năm 1990 cùng ở thôn CL, xã BÐ, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc ngồi uống bia với anh Bùi Văn T, sinh năm 1989 ở phường MT, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh và bạn của anh T là Phùng Văn Nh tại quán lẩu H sản trên đường Nguyễn TT thuộc khu hành chính 15, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, H mượn anh Nh xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS: 88K1 – 198.87 để đi thử, anh Nh đồng ý và giao xe cùng chìa khoá cho H, còn H để lại chìa khoá điện của chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 88F1 – 279.99 (do H mượn của bạn là Nguyễn Văn Th, sinh năm 1992 ở xã TN, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc) tại bàn uống bia và chiếc xe này tại quán lẩu. Sau đó, H điều khiển xe máy mượn của anh Nh chở M đi cùng. Trên đường đi, anh M nhờ H đưa về nhà tại xã BÐ, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi chở M về nhà M, H không quay lại trả xe cho anh Nh mà một mình điều khiển xe máy trên đến khu vực huyện ML, thành phố Hà Nội gặp T1 và D (là bạn bè xã hội với H, H không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể của T1 và D). Cả ba người vào hát tại một quán Karaoke gần khu vực chợ hoa huyện ML, thành phố Hà Nội (H không nhớ địa chỉ cụ thể ở đâu), đến khoảng 24 giờ cùng ngày thì nghỉ. Do thiếu tiền hát, H nhờ T1 nợ quán Karaoke hộ số tiền 3.300.000đ rồi H đi xe về nhà ngủ.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 21/10/2017, do không có tiền trả nợ tiền hát tại quán Karaoke và tiêu xài cá nhân nên H nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe máy BKS: 88K1 – 198.87 của anh Nh. H một mình điều khiển xe tới cơ sở dịch vụ cầm đồ 79 ở xã HC, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc gặp anh Bùi Văn D, sinh năm 1989 ở xã HC, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc là chủ. H đặt vấn đề cầm cố xe máy BKS: 88K1 – 198.87, anh D có hỏi H giấy tờ xe và nguồn gốc xe thì H nói là xe của H, để quên giấy tờ ở nhà và hẹn 3 ngày sau sẽ đến chuộc xe. Anh D tin tưởng, đồng ý nhận cầm cố xe của H với giá 7.000.000đ trong thời hạn 3 ngày và yêu cầu H viết 01 giấy vay tiền kiêm nhận nợ. Sau khi cầm cố xe được 7.000.000đ, H đưa cho T1 số tiền 3.300.000đ để trả nợ tiền hát tại quán Karaoke và tiêu xài cá nhân hết số tiền còn lại. Hết thời hạn phải trả tiền cho anh D, H không có tiền nên không quay lại gặp anh D, không chuộc được xe để trả cho anh Nh.

Sau khi H mượn xe, anh Phùng Văn Nh đã liên lạc với Nguyễn Văn H để đòi xe nhưng không liên lạc được. Ngày 21/10/2017, anh Nh đã đến Công an

phường LB trình báo về việc bị Nguyễn Văn H chiếm đoạt chiếc xe máy BKS: 88K1 – 198.87. Trị giá tài sản khoảng 32.000.000đ.

Ngày 22/10/2017, anh Bùi Văn D đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS: 88K1 – 198.87, 01 giấy vay tiền kiêm nhận nợ cho cơ quan CSĐT Công an thành phố V.

Tại kết luận định giá số 183/KL – HĐĐG ngày 27/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố V kết luận: Giá trị của 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS: 88K1 – 198.87 đã qua sử dụng là 27.000.000đ.

Ngày 25/10/2017, Cơ quan CSĐT triệu tập Nguyễn Văn H lên làm việc, H đã thừa nhận hành vi mượn xe của anh Nh đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài và không có khả năng trả lại tài sản cho anh Nh. Sau đó, Nguyễn Văn H đã không có mặt tại địa phương. Cơ quan CSĐT đã nhiều lần triệu tập H lên làm việc nhưng không được. Ngày 18/01/2018, Công an thành phố V bắt được H.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 88F1 – 279.99 H để lại tại quán lẩu Hải sản trên đường Nguyễn TT thuộc phường LB, thành phố V. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn Th. Sau khi H để lại xe tại quán lẩu Hải sản, anh Bùi Văn T đã liên lạc với anh Lê Tất Đ, sinh năm 1982, ở phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc là chủ xưởng cơ khí nơi H làm việc và được biết chiếc xe trên do H mượn của anh Nguyễn Văn Th. Ngày 21/10/2017, anh T đã trả lại chiếc xe trên cho anh Th, anh Th đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKVV ngày 01/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa bị cáo H khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Người bị hại anh Nh vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra trình bày: Ngày 20/10/2017, tại quán lẩu thuộc khu hành chính 15, phường LB, thành phố V, Nguyễn Văn H mượn chiếc xe máy hiệu Yamaha Exciter BKS: 88K1 – 198.87 của anh để đi nhưng sau đó không trả lại; chiếc xe của anh giá trị khoảng 32.000.000đ. Ngày 30/01/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V đã trả lại chiếc xe máy cho anh chiếc xe máy trên, anh không đề nghị gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bùi Văn D (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt), quá trình điều tra trình bày: Ngày 21/10/2017, Nguyễn Văn H đến cửa hàng cầm đồ của anh tại xã HC, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc cầm cố xe Yamaha Exciter BKS: 88K1 – 198.87 lấy 7.000.000đ. Anh hỏi nguồn gốc xe thì H bảo xe của H, H bỏ quên giấy tờ ở nhà, vì tin tưởng nên anh cho H vay tiền và để lại xe máy và viết giấy vay tiền kiêm nhận nợ. Anh không biết tài sản

này do H phạm tội mà có; anh yêu cầu H phải bồi thường cho anh số tiền 7.000.000đ mà anh đã đưa cho H.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999, xử phạt bị cáo H từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù; đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 41, Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; các Điều 357, Điều 468, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vật chứng của vụ án; xác nhận việc trả lại tài sản cho anh Nh là hợp pháp; buộc bị cáo phải bồi thường cho anh D 7.000.000đ.

Bị cáo H không bào chữa và tranh luận gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo H tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người bị hại; với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội; phù hợp với vật chứng; phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 20/10/2017, tại quán lẩu Hải sản trên đường Nguyễn TT, thuộc khu hành chính 15, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn H đã mượn 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS: 88K1 – 198.87 của anh Phùng Văn Nh để đi thử. Sau khi nhận được xe của anh Nh, do không có tiền trả nợ và tiêu xài H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Ngày 21/10/2017, H đã đem chiếc xe trên đi cầm cố cho cơ sở cầm đồ của anh Bùi Văn D lấy 7.000.000đ để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết và không có khả năng chuộc lại xe trả cho anh Nh. Trị giá tài sản H chiếm đoạt được định giá xác định là 27.000.000đ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H như trên đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Nội dung điều luật quy định:

"1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

b, Vay, mượn thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác ... và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản"

Hành vi của Nguyễn Văn H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án này thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Văn H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; vì động cơ tư lợi đã cầm cố tài sản mà mình mượn của người khác lấy tiền sử dụng cho bản thân, không có khả năng chuộc lại tài sản. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự: Ngày 05/10/2017, Chủ tịch UBND xã BD, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định số 75/QĐ-UBND áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với Nguyễn Văn H, thời hạn 03 tháng (đối tượng nghiện ma túy). H chưa chấp hành xong. Ngoài ra, tại Bản án số 41/HSST ngày 12/07/2011, Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Văn H 01 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. H chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương ngày 27/3/2012, chấp hành xong án phí vào tháng 10/2011. Tuy bị cáo đã được xóa án tích nhưng điều đó thể hiện bị cáo là người không tuân thủ pháp luật, không chịu khó tu dưỡng, rèn luyện bản thân dẫn đến tiếp tục phạm tội, do đó cần xử phạt nghiêm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đó là: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không. Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

[2]- Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo phù hợp với quy định của pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[3] Đối với anh Bùi Văn D là người đã nhận cầm cố xe và cho H vay tiền, anh D không biết chiếc xe trên do H chiếm đoạt của anh Nh mà có. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với người nam giới tên T1 là người H dùng tiền do phạm tội mà có để nhờ trả nợ, do không xác định được tên, tuổi địa chỉ cụ thể của T1 nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

[4] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS: 88K1 – 198.87 đã qua sử dụng mà bị cáo H chiếm đoạt. Quá trình điều tra xác định là xe của anh Phùng Văn Nh, anh Nh mua chiếc xe trên và đăng ký chính chủ vào tháng 01 năm 2017. Ngày 30/01/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V đã trả lại chiếc xe máy cho anh Phùng Văn Nh, anh Nh đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 7.000.000đ anh Bùi Văn D đưa cho H khi nhận cầm cố xe, H đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên nên CQĐT không thu giữ được và H chưa bồi thường cho anh D. Anh D yêu cầu H phải trả lại anh số tiền 7.000.000đ là phù hợp, có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với 01 giấy vay tiền kiêm nhận nợ do anh Bùi Văn D giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố V là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội trong vụ án nên CQĐT chuyển theo hồ sơ.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Nguyễn Văn H không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 140 Bộ luật Hình sự 1999.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H: 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 18/01/2018.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999; Điều 357; Điều 468; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho anh Bùi Văn D số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu

không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS + VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Mạnh